

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ 911**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ 911

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 911 Technology Joint Stock Company

Tên công ty viết tắt: Tech 911., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109632712

**3. Ngày thành lập:** 13/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12, đường 2.3 khu đô thị Gamuda Garden, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988319911

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và quản lý các sự kiện như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8230(Chính) |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sơn và vec ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khóa;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,.. | 4663        |
| 3.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới...                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5621        |
| 4.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5630        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (trừ sản xuất phim)                                                                                                                                                                          | 5911 |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm, sinh phẩm y tế và chế phẩm vệ sinh;<br>- Buôn bán máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính....;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.                                            | 4649 |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659 |
| 8.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                   | 4791 |
| 9.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7320 |
| 10. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7710 |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học<br>Chi tiết: Sửa chữa trang thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                               | 3313 |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                            | 4931 |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610 |
| 15. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4632 |
| 16. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5224 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Gửi hàng; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn                                                                                                                                                                               | 5229 |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;<br>- Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách.                                                | 4932 |
| 19. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm bán lẻ thuốc)                                                                                                             | 4772 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                | 4759 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 250.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM HUY BÌNH | Khu 2, Hạ Chiểu, Phường Minh Tân, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 75.000     | 750.000.000           | 30,000    | 142118567                                                                                   |         |
|     |               |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                             | Tổng số                   | 75.000     | 750.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                             |                                    |         |               |        |           |  |
|---|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | ĐỖ HOÀNG<br>VÂN ANH | Số 13 Lý Thái Tổ,<br>Phường Lý Thái<br>Tổ, Quận Hoàn<br>Kiếm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000 | 1.000.000.000 | 40,000 | B8870176  |  |
|   |                     |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                             | Tổng số                            | 100.000 | 1.000.000.000 | 40,000 |           |  |
|   |                     |                                                                                             |                                    |         |               |        |           |  |
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>TÂN   | 1B, Phường Đông<br>Ngạc, Quận Bắc<br>Từ Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 75.000  | 750.000.000   | 30,000 | 013365063 |  |
|   |                     |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                             | Tổng số                            | 75.000  | 750.000.000   | 30,000 |           |  |
|   |                     |                                                                                             |                                    |         |               |        |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ HOÀNG VÂN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 23/12/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: B8870176

Ngày cấp: 10/03/2014

Nơi cấp: *Cục Quản lý Xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: *Số 13 Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P3011, CT3 Chung cư Gelexia, 885 Tam Trinh, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội